

Uông Bí, ngày 11 tháng 10 năm 2021

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ I MÔN NGŨ VĂN 12
NĂM HỌC 2021-2022**

**A. ĐƠN VỊ KIẾN THỨC/KĨ NĂNG – MỨC ĐỘ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ
I. PHẦN ĐỌC HIỂU**

1. Đơn vị kiến thức/ kĩ năng

- Đọc hiểu các văn bản nghị luận hiện đại (ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).
- Đọc hiểu thơ Việt Nam hiện đại 1945 – 1975 (ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).

2. Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá

2.1. Các văn bản/đoạn trích nghị luận hiện đại

- Nhận biết:

- + Xác định thông tin được nêu trong văn bản/đoạn trích.
- + Nhận diện phương thức biểu đạt, thao tác lập luận, phong cách ngôn ngữ, biện pháp tu từ...

- Thông hiểu:

- + Hiểu được nội dung văn bản/đoạn trích.
- + Hiểu được cách triển khai lập luận, ngôn ngữ biểu đạt, giá trị các biện pháp tu từ của văn bản/đoạn trích.
- + Hiểu một số đặc điểm của nghị luận hiện đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.

- Vận dụng:

- + Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích.
- + Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.

2.2. Các văn bản/đoạn trích thơ Việt Nam 1945 - 1975

- Nhận biết:

- + Xác định được thể thơ, phương thức biểu đạt của bài thơ/đoạn thơ.
- + Xác định được đề tài, hình tượng nhân vật trữ tình trong bài thơ/đoạn thơ.
- + Chỉ ra các chi tiết, hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ... trong bài thơ/đoạn thơ.

- Thông hiểu:

- + Hiểu được đề tài, khuynh hướng tư tưởng, cảm hứng thẩm mỹ, giọng điệu, tình cảm của nhân vật trữ tình, những sáng tạo về ngôn ngữ, hình ảnh của bài thơ/đoạn thơ.

- + Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của thơ Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến 1975 được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ.

- Vận dụng:

+ Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong bài thơ/đoạn thơ.

+ Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.

II. PHẦN LÀM VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

1. Viết đoạn văn nghị luận về một tư tưởng đạo lí

1.1 Nội dung kiến thức/kĩ năng: viết đoạn văn nghị luận xã hội về một tư tưởng đạo lí (khoảng 150 chữ)

1.2. Mức độ kiến thức/kĩ năng cần kiểm tra đánh giá

- Nhận biết:

+ Xác định được tư tưởng đạo lí cần bàn luận.

+ Xác định được cách thức trình bày đoạn văn.

- **Thông hiểu:** Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của tư tưởng đạo lí.

- **Vận dụng:** Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng đạo lí.

- Vận dụng cao:

+ Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng đạo lí.

+ Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục.

2. Viết đoạn văn nghị luận về một hiện tượng đời sống

2.1. Nội dung kiến thức/kĩ năng: viết đoạn văn nghị luận về một hiện tượng đời sống (khoảng 150 chữ)

2.2 Mức độ kiến thức/kĩ năng cần kiểm tra đánh giá

- Nhận biết:

+ Nhận diện hiện tượng đời sống cần nghị luận.

+ Xác định được cách thức trình bày đoạn văn.

- **Thông hiểu:** Hiểu được thực trạng/nguyên nhân/ các mặt lợi - hại, đúng - sai của hiện tượng đời sống.

- **Vận dụng:** Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về hiện tượng đời sống.

- Vận dụng cao:

+ Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về hiện tượng đời sống.

+ Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục.

III. PHẦN LÀM VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

1. Nội dung kiến thức kĩ năng: Viết bài văn nghị luận văn học

- Nghị luận về một tác phẩm, đoạn trích văn chính luận: *Tuyên ngôn độc lập* (Hồ Chí Minh).

- Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ: *Tây Tiến* (Quang Dũng); *Việt Bắc* (trích) của Tố Hữu

2. Mức độ kiến thức/kĩ năng cần kiểm tra đánh giá

2.1. Nghị luận về một tác phẩm, đoạn trích văn chính luận

- Nhận biết:

- + Nhận biết kiểu bài nghị luận; vấn đề cần nghị luận.
- + Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích.
- + Nêu nội dung khái quát của văn bản/đoạn trích.

- Thông hiểu:

+ Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: luận điểm - tư tưởng, cách lập luận chặt chẽ, sắc bén, cách đưa dẫn chứng sinh động, thuyết phục, sử dụng ngôn ngữ chính xác, gợi cảm.

+ Lí giải được một số đặc điểm cơ bản của văn chính luận được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.

- Vận dụng:

+ Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích nội dung, nghệ thuật của văn bản/đoạn trích.

+ Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; vị trí và đóng góp của tác giả.

- Vận dụng cao:

+ So sánh với các tác phẩm chính luận khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.

+ Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục.

2.2. Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ

- Nhận biết:

- + Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề cần nghị luận.
- + Giới thiệu tác giả, bài thơ, đoạn thơ.
- + Nêu được nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật,... của bài thơ/đoạn thơ.

- Thông hiểu:

+ Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các bài thơ/đoạn thơ theo yêu cầu của đề bài: hình ảnh hai cuộc kháng chiến và những tình cảm yêu nước thiết tha, những suy nghĩ và cảm xúc riêng tư trong sáng; tính dân tộc và những tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh,...

+ Lí giải một số đặc điểm cơ bản của thơ Việt Nam 1945 - 1975 được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ.

- Vận dụng:

+ Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ.

+ Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; vị trí và đóng góp của tác giả.

- Vận dụng cao:

+ So sánh với các bài thơ khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.

+ Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục.

B. ÔN TẬP CÁC VĂN BẢN

Bài 1: Tuyên ngôn Độc lập (Hồ Chí Minh)

1. Tìm hiểu chung:

a) Tác giả:

- *Tiểu sử*: Hồ Chí Minh (1890 – 1969) gắn bó trọn đời với dân với nước, với sự nghiệp giải phóng dân tộc của Việt Nam và phong trào cách mạng thế giới, là lãnh tụ cách mạng vĩ đại, một nhà thơ, nhà văn lớn của dân tộc.

Sự nghiệp văn học:

+ Quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh: Người coi nghệ thuật là một vũ khí chiến đấu lợi hại phụng sự cho sự nghiệp cách mạng. Nhà văn phải có tinh thần xung phong như người chiến sĩ. Người coi trọng tính chất chân thật và tính dân tộc của văn học; khi cầm bút, Người bao giờ cũng xuất phát từ đối tượng (*Viết cho ai?*) và mục đích tiếp nhận (*Viết để làm gì?*) để quyết định nội dung (*Viết cái gì?*) và hình thức (*Viết thế nào?*) của tác phẩm.

+ Di sản văn học: những tác phẩm chính của Hồ Chí Minh thuộc các thể loại: văn chính luận, truyện và kí, thơ ca.

+ Phong cách nghệ thuật: độc đáo, đa dạng, mỗi thể loại văn học đều có phong cách riêng hấp dẫn.

Truyện và kí: rất hiện đại, thể hiện tính chiến đấu mạnh mẽ và nghệ thuật trào phúng vừa có sự sắc bén, thâm thúy của phương Đông vừa có cái hài hước, hóm hỉnh giàu chất uy – mua của phương Tây.

Văn chính luận: thường rút gọn, tư duy sắc sảo, lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, bằng chứng đầy sức thuyết phục, giàu tính luận chiến và đa dạng về bút pháp.

Thơ ca: những bài thơ tuyên truyền lời lẽ giản dị, mộc mạc mang màu sắc dân gian hiện đại, dễ thuộc, dễ nhớ, có sức tác động lớn; thơ nghệ thuật hàm súc, có sự kết hợp độc đáo giữa bút pháp cổ điển và hiện đại, trữ tình và tính chiến đấu.

b) Tác phẩm:

- *Tuyên ngôn Độc lập* là một văn kiện có giá trị lịch sử to lớn, tầm vóc tư tưởng cao đẹp và là áng văn chính luận mẫu mực.

- *Tuyên ngôn Độc lập* được công bố trong một hoàn cảnh lịch sử đặc biệt đã quy định đối tượng hướng tới, nội dung và cách viết nhằm đạt hiệu quả cao nhất

2. Đọc hiểu văn bản:

a) Nội dung:

- Nêu nguyên lí chung về quyền bình đẳng, tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc của con người và các dân tộc.

Trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Mĩ, Pháp nhằm đề cao giá trị tư tưởng nhân đạo và văn minh nhân loại, tạo tiền đề cho những lập luận tiếp theo. Từ quyền bình đẳng, tự do của con người, Hồ Chí Minh suy rộng ra về quyền đẳng, tự do của các dân tộc. Đây là một đóng góp riêng của Người vào lịch sử tư tưởng nhân loại.

- Tố cáo tội ác của thực dân Pháp:

+ Thực dân Pháp đã phản bội và chà đạp lên chính nguyên lí mà tổ tiên họ xây dựng.

+ Vạch trần bản chất xảo quyệt, tàn bạo, man rợ của thực dân Pháp bằng những lí lẽ và sự thật lịch sử không thể chối cãi. Đó là những tội ác về chính trị, kinh tế, văn hóa,...; là những âm mưu thâm độc, chính sách tàn bạo. Sự thật đó có sức mạnh lớn lao, bác bỏ luận điệu của thực dân Pháp về công lao “khai hóa”, quyền “bảo hộ” Đông Dương. Bản tuyên ngôn cũng khẳng định thực tế lịch sử: nhân dân ta nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa.

+ Những luận điệu khác của các thế lực phản cách mạng quốc tế cũng bị phản bác mạnh mẽ bằng những chứng cứ xác thực, đầy sức thuyết phục.

- Tuyên bố độc lập: tuyên bố thoát lí hẫng quan hệ thực dân với Pháp, kêu gọi toàn dân đoàn kết chống lại âm mưu của thực dân Pháp, kêu gọi cộng đồng quốc tế công nhận quyền độc lập, tự do của Việt Nam và khẳng định quyết tâm bảo vệ quyền độc lập, tự do ấy.

b) Nghệ thuật:

- Lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, bằng chứng xác thực, giàu sức thuyết phục.

- Ngôn ngữ vừa chính xác vừa chính xác vừa gợi cảm.

- Giọng văn linh hoạt

c) Ý nghĩa văn bản:

- *Tuyên ngôn Độc lập* là một văn kiện lịch sử vô giá tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới về quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam và khẳng định quyết tâm bảo vệ nền độc lập, tự do ấy.

- Kết tinh lí tưởng đấu giải phóng dân tộc và tinh thần yêu chuộng độc lập, tự do.

- Là một áng văn chính luận mẫu mực.

Bài 2: Tây Tiến (Quang Dũng)

1. Tìm hiểu chung:

a) Tác giả:

- Quang Dũng là một nghệ sĩ đa tài: làm thơ, vẽ tranh, viết văn, soạn nhạc.

- Một hồn thơ lãng mạn, tài hoa: nhà thơ của “*xứ Đoài mây trắng*”, thơ giàu chất nhạc, chất họa.

b) Tác phẩm:

- Những hiểu biết về đoàn quân Tây Tiến (*quá trình thành lập, nhiệm vụ, thành phần, địa bàn hoạt động, ...*).

- Quang Dũng gia nhập Tây Tiến năm 1947, năm 1948 chuyển đơn vị; viết bài thơ *Tây Tiến* tại Phù Lưu Chanh năm 1948, nhan đề ban đầu là *Nhớ Tây Tiến*.

2. Đọc – hiểu văn bản:

a) Nội dung:

- Bức tranh thiên nhiên núi rừng miền Tây Bắc hùng vĩ, dữ dội nhưng vô cùng mỹ lệ, trữ tình và hình ảnh người lính trên chặng đường hành quân trong cảm xúc “*nhớ chơi vơi*” về một người Tây Tiến:

+ Vùng đất xa xôi, hoang vắng, hùng vĩ, dữ dội, khắc nghiệt, đầy bí hiểm nhưng vô cùng thơ mộng, trữ tình.

+ Cảnh đêm liên hoan rực rỡ lung linh. Chung vui với bản làng xứ lạ.

+ Cảnh thiên nhiên sông nước miền tây một chiều sương giăng hư ảo.

+ Hình ảnh người lính trên chặng đường hành quân: gian khổ, hi sinh mà vẫn ngang tàng, tâm hồn vẫn trẻ trung, lãng mạn.

- Bức chân dung về người lính Tây Tiến trong nỗi “*nhớ chơi vơi*” về một thời gian khổ mà hào hùng:

+ Vẻ đẹp lẫm liệt, kiêu hùng, hào hoa, lãng mạn;

+ Vẻ đẹp bi tráng.

b) Nghệ thuật:

- Cảm hứng và bút pháp lãng mạn.

- Cách sử dụng ngôn từ đặc sắc: các từ chỉ địa danh, từ tượng hình, từ Hán Việt,...

- Kết hợp chặt chẽ và chất họa.

c) Ý nghĩa văn bản :

Bài thơ đã khắc họa thành công hình tượng người lính Tây Tiến trên nền cảnh núi rừng miền Tây hùng vĩ, dữ dội. Hình tượng người lính Tây Tiến mang vẻ đẹp lãng mạn, đậm chất bi tráng sẽ luôn đồng hành trong trái tim và trí óc mỗi chúng ta.

Bài 3: Việt Bắc (Tố Hữu)

1. Tìm hiểu chung:

a) Tác giả:

- Tố Hữu là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng Việt Nam hiện đại.

- Thơ Tố Hữu thể hiện lẽ sống, lí tưởng, tình cảm cách mạng của con người Việt Nam hiện đại nhưng mang đậm chất dân tộc, truyền thống.

b) Tác phẩm:

- Bài thơ được ra đời vào tháng 10 năm 1954 (*nhân sự kiện những người kháng chiến từ căn cứ miền núi trở về miền xuôi, Trung ương Đảng và Chính phủ rời chiến khu Việt Bắc trở về Thủ đô*).

- Đoạn trích trong SGK là phần đầu của bài thơ, tái hiện những kỉ niệm về cách mạng và kháng chiến.

2. Đọc – hiểu văn bản:

a) Nội dung:

- *Tám câu thơ đầu: Khung cảnh chia tay và tâm trạng của con người*

+ *Bốn câu trên*: Lời ước hỏi, khơi gợi kỉ niệm về một giai đoạn đã qua, về không gian nguồn cội, tình nghĩa; qua đó, thể hiện tâm trạng của người ở lại.

+ *Bốn câu thơ tiếp*: Tiếng lòng người về xuôi băng khuâng lưu luyến.

- *Tám mươi hai câu sau: Những kỉ niệm về Việt Bắc hiện lên trong hoài niệm..*

+ *Mười hai câu hỏi*: Gợi lên những kỉ niệm ở Việt Bắc trong những năm tháng qua, khơi gợi, nhắc nhớ những kỉ niệm trong những năm cách mạng và kháng chiến. Việt Bắc từng là chiến khu an toàn, nhân dân ân tình, thủy chung, hết lòng với cách mạng và kháng chiến.

+ *Bảy mươi câu đáp*: Mượn lời đáp của người về xuôi, nhà thơ bộc lộ nỗi nhớ da diết với Việt Bắc; qua đó, dựng lên hình ảnh chiến khu trong kháng chiến anh hùng và tình nghĩa thủy chung. Nội dung chủ đạo là nỗi nhớ Việt Bắc, những kỉ niệm về Việt Bắc (*bốn câu đầu đoạn* khẳng định tình nghĩa thủy chung son sắc; *hai mươi tám câu tiếp* nói về nỗi nhớ thiên nhiên, núi rừng và con người, cuộc sống nơi đây; *hai mươi tám câu tiếp theo* nói về cuộc kháng chiến anh hùng; *mười sáu câu cuối đoạn* thể hiện nỗi nhớ cảnh và người Việt Bắc, những kỉ niệm về cuộc kháng chiến).

b) Nghệ thuật:

Bài thơ đậm đà tính dân tộc, tiêu biểu cho phong cách thơ Tố Hữu: thể thơ lục bát, lối đối đáp, cách xưng hô *mình – ta*, ngôn từ mộc mạc, giàu sức gợi,...

c) Ý nghĩa văn bản:

Bản anh hùng ca về cuộc kháng chiến; bản tình ca về nghĩa tình cách mạng và kháng chiến.

C. ĐỀ MINH HỌA

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I

Môn: Ngữ văn, lớp 12

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn thơ:

*Tôi trở lại những bờ đường mùa xuân
Cây già trắng lá
Ôi thành phố tôi yêu kỳ lạ
Cái sống như trăn trở ngày đêm
Tôi lớn lên, lo nghĩ nhiều thêm
Thành phố cũng như tôi đang lớn
Những gác xép bộn bề hy vọng
Những đầu hồi bóng nắng nhấp nhô...*

*Tôi trở về những ngõ quen xưa
Mỗi ngõ nhỏ giấu một lời tâm sự*

*Tôi trở lại những lời mòn quá khứ
Có tấm tình ta mắc nợ cha ông*

(Trích *Trở lại trái tim mình* - Bằng Việt,
Thơ tuyển 1961 - 2001, NXB Văn học, 2003, tr. 12)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Đoạn thơ được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Chỉ ra 2 từ diễn tả tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn thơ trên.

Câu 3. Anh/Chị hiểu như thế nào về nội dung câu thơ: *Tôi lớn lên, lo nghĩ nhiều thêm?*

Câu 4. Tâm sự của tác giả trong câu thơ *Có tấm tình ta mắc nợ cha ông* gợi cho anh/chị suy nghĩ gì?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của sự trân trọng quá khứ với mỗi con người.

Câu 2 (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau:

*Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa
Kìa em xiêm áo tự bao giờ
Khèn lên man điệu nàng e ấp
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ*

(Trích *Tây Tiến* - Quang Dũng, *Ngữ văn 12*,
Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr. 88)

.....Hết.....